

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/HNGĐ-ST  
Ngày 10/9/2021  
V/v: *Tranh chấp Hôn nhân  
và gia đình*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Tương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:**  
Không

Ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021 về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71a ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị M, sinh năm 1990 (Có mặt)

**Bị đơn:** Anh Lê Văn T, sinh năm 1974 (Có đơn xin xử vắng mặt)

Đều trú tại: thôn H, xã Q, huyện Y, tỉnh Thái Bình

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Minh trình bày:

Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn tại địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp và chênh lệch tuổi tác nên không tìm được tiếng nói chung, hiện nay anh chị đã sống ly thân. Nay chị xác

định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Lê Minh A, sinh ngày 25/11/2009 và Lê Minh N, sinh ngày 18/3/2015. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu N, anh Trường trực tiếp nuôi cháu A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xử vắng mặt, bị đơn là anh T trình bày:

Anh và chị M kết hôn với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Y, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn tại địa phương. Do tính tình không hợp và chênh lệch tuổi tác nên phát sinh mâu thuẫn, chị M đã bỏ về nhà ngoại ở, vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị M cương quyết xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là Lê Minh A, sinh ngày 25/11/2009 và Lê Minh N, sinh ngày 18/3/2015. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu A, chị M trực tiếp nuôi cháu N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị M tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử theo quy định.

Tại phiên toà, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi bổ sung gì, bị đơn là anh T có xin xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị M có mặt, anh T có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Trường.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân chính cũng là do thời kỳ trước hôn nhân hai bên không tìm hiểu về tính cách cũng như tâm tư tình cảm của nhau, mặt khác vợ chồng chênh lệch về tuổi tác nên khi chung sống cùng nhau đã không có tiếng nói chung và không còn tình cảm. Vì vậy mục đích hôn nhân của chị M và anh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét hôn nhân của anh, chị chỉ còn là hình thức vì trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Chị M xin ly hôn anh T là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[3]. Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung là Lê Minh A, sinh ngày 25/11/2009 và Lê Minh N, sinh ngày 18/3/2015. Chị M đề nghị được trực tiếp nuôi cháu N, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét đề nghị của chị M và anh T là hợp pháp nên cần chấp nhận yêu cầu này của các đương sự.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh T thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

### **Về quan hệ hôn nhân:**

Xử cho chị Vũ Thị M được ly hôn anh Lê Văn T.

**Về con chung:** Giao con chung là Lê Minh N, sinh ngày 18/3/2015 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Lê Minh A, sinh ngày 25/11/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, hai bên đều có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản; Vấn đề thay đổi người nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được đặt giải quyết khi có yêu cầu.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 0003976 ngày 11/8/2021 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Y sang thi hành án phí, chị M đã nộp xong án phí.

**Về quyền kháng cáo bản án:** Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại UBND xã Q, huyện Y, tỉnh Thái Bình.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thái Thụy.
- THADS huyện Thái Thụy.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- UBND xã Thụy Quỳnh.
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thế Tương**